

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 118/2023/HS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Sơn

Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2023/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST- HS ngày 05/9/2023 đối với bị cáo:

LÊ MINH THUYẾT T, sinh năm 1992 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Số 888/67/42 A5 đường L, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn K và bà Lê Thị H; Chồng Thạch Thanh S; Con có 01 người sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Tiên: Luật sư **Huỳnh Thanh Đ** và Luật sư **Nguyễn Tiến M1** – Văn phòng Luật sư Thanh Đông; Địa chỉ: 243A/66 Hoàng Diệu, phường 8, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị Thuý T1, sinh năm 1993; Cùng cư trú: Tổ 3, khu phố 9, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T2 và chị T1: Luật sư **Lê Ngọc N** – Công ty Luật TNHH L1 – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

+ Anh Thạch Thanh S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số 888/67/42 A5 đường L, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

+ Anh Lê Minh H, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 5, khu phố 3, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Anh H có mặt, chị T4 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh Thủy T và Nguyễn Thị Thủy T1 có mối quan hệ họ hàng nên T1 gọi T bằng dì. Thời gian từ tháng 3 năm 2022, do có nhu cầu vay tiền để đầu tư bất động sản nên T1 và chồng T1 là Nguyễn Quốc T2 vay tiền T có trả lãi; việc cho vay tiền thực hiện bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, thời hạn cho vay và trả lại trong ngày hoặc có thể từ 01 ngày đến 07 ngày. T sử dụng tài khoản 14241837 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu và tài khoản 19033144080013 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, còn T1 sử dụng tài khoản 1041000048024 của Ngân hàng Vietcombank, tài khoản 2222555528 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội và T2 sử dụng số tài khoản 1041000044353 của Ngân hàng Vietcombank, tài khoản 2222555526 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội.

Căn cứ vào sao kê ngân hàng của Tiên, T1, T2 xác định từ ngày 28 tháng 3 năm 2022 đến ngày 20 tháng 6 năm 2022, T nhiều lần chuyển khoản cho T1 và T2 vay trong ngày ít nhất là 93.000.000 đồng và nhiều nhất là 2.750.000.000 đồng, tổng số tiền mà T chuyển khoản cho T1 và T2 vay là 39.683.340.000 đồng, còn tổng số tiền T1 và T2 chuyển khoản trả cho T là 40.042.430.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi nhưng T, T1, T2 không xác định được cụ thể số tiền gốc và tiền lãi), số tiền T1, T2 chuyển khoản trả cho T nhiều hơn so với số tiền mà T chuyển khoản cho T1 và T2 vay là 359.090.000 đồng.

Trong khoảng thời gian nêu trên, xác định được T 04 lần cho T1, T2 vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên, cụ thể:

Ngày 26 tháng 4 năm 2022: Do trước đó T1, T2 nhiều lần vay tiền của T nên T2 nhắn tin trên messenger (tin nhắn của mạng xã hội facebook) cho T hỏi vay tiền thì T đồng ý. Cùng ngày, T dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu của T chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của T2 với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi T2 nhận đủ tiền chuyển khoản thì T nhắn tin yêu cầu T2 trả tiền lãi với nội dung “*Hnay tổng 1ty lãi 35tr, 500 x 3% = 15tr, 500 x 4% = 20tr; Ngày 27/4 - 1/5: 1ty lãi 180tr, 400 x 3% = 12tr x 5 ngày = 60tr, 600 x 4% = 24tr x 5 ngày = 120tr. Tổng T2 chuyển cho T 215 triệu*” nghĩa là T tính tiền lãi trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 là 35.000.00 đồng, cụ thể: Số tiền 500.000.000 đồng thì tiền lãi là 15.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 03%/ngày, tương đương 90%/tháng, tương

đương 1.080%/năm nên số tiền thu lợi bất chính là 14.722.222 đồng; Số tiền 500.000.000 đồng thì tiền lãi là 20.000.000 đồng/ngày, lãi suất bằng 04%/ngày, tương đương 120%/tháng, tương đương 1.440%/năm, số tiền thu lợi bất chính là 19.722.222 đồng.

T tiếp tục tính lãi đối với 1.000.000.000 đồng nêu trên từ ngày 27 tháng 4 năm 2022 đến ngày 01 tháng 5 năm 2022 (05 ngày), thu lãi 180.000.000 đồng, lợi bất chính 177.222.222 đồng, cụ thể như sau: Số tiền 400.000.000 đồng x 03% x 05 ngày = 60.000.000 đồng, lãi suất bằng 03%/ngày; Đối với 600.000.000 đồng x 04% x 05 ngày = 120.000.000 đồng, lãi suất bằng 04%/ngày.

Như vậy, từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến ngày 01 tháng 5 năm 2022, T sử dụng 1.000.000.000 đồng cho Thiện, T1 vay. Tổng tiền lãi là 215.000.000 đồng, tổng thu lợi bất chính 211.666.667 đồng.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022: T2 tiếp tục nhắn tin qua messenger cho T hỏi vay tiền. Cùng ngày, T dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu của T chuyển tổng số 650.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank của Thiện. T thỏa thuận với T2 là vay trong thời hạn 03 ngày, lãi suất bằng 4,5%/ngày. Sau đó, T nhắn tin qua messenger yêu cầu T2 trả trước tiền lãi với nội dung “600tr 27tr x 3 ngày là 81tr”, nghĩa là T tính tiền lãi là 81.000.000 đồng của 600.000.000 đồng, lãi suất bằng 4,5%/ngày, tương đương 135%/tháng, tương đương 1.620%/năm; cùng ngày, T2 chuyển vào tài khoản của T trả 81.000.000 đồng tiền lãi, nên số tiền lãi là 81.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 80.000.000 đồng. Đối với 50.000.000 đồng còn lại, T không yêu cầu T2 trả lãi.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022: T2 tiếp tục nhắn tin qua messenger cho T hỏi vay tiền thì T đồng ý. Cùng ngày, T dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu của T chuyển 650.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank của Thiện. Trong đó, T cho T2 vay 400.000.000 đồng trong thời hạn 01 ngày, lãi suất là 10%/ngày, còn lại 250.000.000 đồng thì T cho T2 vay trong thời hạn 04 ngày, lãi suất là 04%/ngày. Sau đó, T nhắn tin cho T2 qua messenger để yêu cầu trả trước tiền lãi, cụ thể: Đối với số tiền 400.000.000 đồng x 10%/ngày x 01 ngày = 40.000.000 đồng, tương đương 300%/tháng, tương đương 3.600%/năm nên số tiền thu lợi bất chính là 39.777.778 đồng; Đối với số tiền 250.000.000 đồng x 04%/ngày x 04 ngày = 40.000.000 đồng, tương đương 120%/tháng, tương đương 1.440%/năm nên thu lợi bất chính là 39.444.444 đồng.

T yêu cầu T2 trả 400.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, khoảng vài ngày trước ngày 28 tháng 4 năm 2022 (không xác định được cụ thể) thì T2 vay tiền còn nợ T 1.000.000.000 đồng nên tổng cộng T2 phải chuyển khoản trả cho T 1.480.000.000 đồng; cùng ngày 28 tháng 4 năm 2022, T2 chuyển khoản 2.000.000.000 đồng

cho Tiên, thừa lại 520.000.000 đồng thì T cất giữ, để thanh toán cho những lần vay tiền tiếp theo.

Ngày 01 tháng 5 năm 2022: T2 tiếp tục nhắn tin qua messenger cho T hỏi vay tiền; cùng ngày, T dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu của T chuyển khoản 600.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank của Thiện. T tính lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng là 20%/tháng và số tiền 200.000.000 đồng là 04%/ngày, thời hạn vay là 07 ngày. T yêu cầu trả trước tiền lãi nên nhắn tin cho T2 qua messenger với nội dung: “400 lãi 80tr, 200 lãi tuần 7x8 = 56tr”, nghĩa là: Số tiền 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng/tháng, lãi suất là 0,667%/ngày, tương đương 20%/tháng, tương đương 240%/năm, thu lợi bất chính là 73.333.333 đồng; Số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi là 56.000.000 đồng, lãi suất là 04%/ngày, tương đương 120%/tháng, tương đương 1.440%/năm, thu lợi bất chính là 55.222.222 đồng. Trong ngày, T2 chuyển khoản trả đủ tiền lãi cho T là 136.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến ngày 01 tháng 5 năm 2022, T 04 lần cho Thiện, T1 vay là 2.900.000.000 đồng (tính lãi là 2.850.000.000 đồng, không tính lãi là 50.000.000 đồng). T nhận được 512.000.000 đồng tiền lãi, đã thu lợi bất chính là 499.444.444 đồng.

Bản kết luận giám định số 373/KL-KTHS ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: không tìm thấy dữ liệu tin nhắn, hình ảnh trò chuyện giữa “Lê Minh Thủy Tiên” và “Nguyễn Thị Thùy T1” trong ứng dụng “messenger” trên máy điện thoại di động gửi giám định ký hiệu A (điện thoại di động Iphone 13 promax, màu xanh, IMEI: 35679684260925 của Nguyễn Thị Thùy T1) từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 6 năm 2022.

Bản kết luận giám định số 458/KL-KTHS ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: trích xuất được 193 hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn trong ứng dụng “Messenger” giữa tài khoản tên “Nguyễn Quốc T2” với tài khoản tên “Lê Minh Thủy Tiên” từ ngày 17 tháng 4 năm 2022 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022 trong điện thoại gửi giám định ký hiệu A (điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 353167667322911 của Nguyễn Quốc T2).

Bản kết luận giám định số 660/KL-KTHS ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tìm thấy tài khoản facebook, messenger có tên “Lê Minh Thủy Tiên” và số ID Facebook 100087314118869; 100018851141685 và 100090600925628 trong điện thoại gửi giám định ký hiệu A (điện thoại di động Iphone 11 Pro max, màu vàng, số IMEI: 353887100930695 của Lê Minh Thủy Tiên).

Không tìm thấy tin nhắn ở ứng dụng “Messenger” giữa tài khoản tên “Lê Minh Thủy Tiên” với tài khoản tên “Nguyễn Quốc T2”, “Nguyễn Thị Thủy T1” trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 08/2022 trong điện thoại giám định ký hiệu A.

Về vật chứng:

Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh của Nguyễn Thị Thủy T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của Nguyễn Quốc T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, vỏ màu vàng của anh Thạch Thanh S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng và số tiền 3.585.000 đồng của Lê Minh Thủy Tiên.

Bản cáo trạng số 112/Ctr-VKS ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Minh Thủy T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Minh Thủy T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Minh Thủy T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Minh Thủy T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

Người bào chữa cho bị cáo Tiên: Đồng ý về tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên xử, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T2 và chị T1 cũng đồng ý về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên xử. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Thị Thủy T1 và Nguyễn Thị Thanh T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2022 đến ngày 20 tháng 6 năm 2022, Lê Minh Thủy T đã 04 lần sử dụng số tiền 2.850.000.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn Thị Thủy T1 và Nguyễn Quốc T2 vay tiền với mức lãi suất từ 03%/ngày đến 4,5%/ngày, tương đương từ 90%/tháng đến 135%/tháng, 1.080%/năm đến 1.620%/năm, gấp từ 54 lần đến 81 lần mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm, thu lợi bất chính 499.444.444 đồng. Đối chiếu với qui định tại khoản 2 Điều 201 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hành vi của Lê Minh Thủy T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, tiền tệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an của địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội “02 lần trở lên” nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả xong đối với số tiền thu lợi bất chính; nhân thân không có tiền án, tiền sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, bị cáo là một nhân viên ngân hàng, bị cáo phải nhận thức được việc làm của mình gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động tín dụng, việc cho vay nặng lãi ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội. Tuy nhiên vì vụ lợi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc phù hợp với tính chất mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện tại bị cáo là người không có việc làm, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối

cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

[6.1]. Tổng số tiền bị cáo T dùng 04 lần cho Thiện, T1 vay là 2.850.000.000 đồng, là phương tiện phạm tội nên truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo số tiền: 12.555.000 đồng (tính tròn số).

[6.3]. Đối với khoản tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 499.444.000 đồng (tính tròn số) là số tiền thu lợi bất chính theo qui định của pháp luật phải buộc Lê Minh Thủy T trả lại cho T1, Thiện. Tại phiên tòa, anh Thạch Thanh S là chồng của bị cáo T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T2, chị T1 đều thống nhất trình bày số tiền này gia đình bị cáo đã hoàn trả cho T1, T2 và không có yêu cầu nào khác, đây là thỏa thuận giữa các bên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6.4]. Đối với số tiền mà T chuyển cho T1, T2 vay (39.683.340.000 đồng) thấp hơn tổng số tiền T1, T2 chuyển lại cho T (40.042.430.000 đồng) là 359.090.000 đồng nhưng 359.090.000 đồng thuộc quan hệ dân sự các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6.5]. Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh của Nguyễn Thị Thùy T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của Nguyễn Quốc T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, vỏ màu vàng của anh Thạch Thanh S không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho anh T2, chị T1 và anh Sang là phù hợp.

Đối với số tiền 3.585.000 đồng thu giữ trên người Lê Minh Thủy T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng của T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Thị Thùy T1 và Nguyễn Quốc T2 có căn cứ, được chấp nhận.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh Thủy T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Minh Thủy T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2023.

3. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

3.1. Buộc bị cáo Lê Minh Thủy T nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.850.000.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội, và số tiền 12.555.000 đồng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Tổng số tiền bị cáo bị truy thu là 2.862.555.000 đồng.

3.2. Đối với khoản tiền 499.444.000 đồng tiền thu lợi bất chính phải trả lại cho người vay tại phiên tòa, bị cáo và Nguyễn Thị Thủy T1, Nguyễn Quốc T2 thỏa thuận Lê Minh Thủy T đã hoàn trả đủ số tiền này, nên ghi nhận thỏa thuận giữa các bên.

3.3. Trả cho Nguyễn Thị Thủy T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh; Nguyễn Quốc T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của; Thạch Thanh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, vỏ màu vàng.

Tịch thu sung quỹ ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng của Lê Minh Thủy T.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.585.000 đồng của Lê Minh Thủy T để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Minh Thủy T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, luật sư bào chữa cho bị cáo, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

Filename: Document2
Directory:
Template: /Users/phuong/Library/Group Containers/UBF8T346G9.Office/User
Content.localized/Templates.localized/Normal.dotm
Title:
Subject:
Author: Phuong Thanh
Keywords:
Comments:
Creation Date: 11/2/23 8:02:00 AM
Change Number: 1
Last Saved On: 11/2/23 8:09:00 AM
Last Saved By: Phuong Thanh
Total Editing Time: 7 Minutes
Last Printed On: 11/2/23 8:09:00 AM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 8
Number of Words: 4,538
Number of Characters: 16,765 (approx.)